TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 16/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**;

2. Ông **Phan Minh Quốc**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: ***03/2023/TLST-DS ngày 09/01/2023 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 08/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12A/2023/QĐST-DS ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A**

Trụ sở: Số 442, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Từ Tiến Phát** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phát: Ông Nguyễn Đình Lợi – Chức vụ: Phó giám đốc phòng quản lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lợi tham gia tố tụng: Bà **Thái Thị Thanh T**, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ. Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, 444A-446 Cách mạng Tháng 8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Số điện thoại: 0935085850

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

(Đại diện nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A do bà Thái Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 05/11/2018, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A có cho ông Nguyễn Thanh M vay số tiền là 70.000.000 đồng *(bảy mươi triệu đồng)*, hai bên có tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng trả góp số NNN.CN.408.031118 ngày 05/11/2018. Nội dung cụ thể như sau: Thời hạn cho vay: 36 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 06/11/2018 đến ngày 05/11/2021); Mục đích cho vay: Mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Lãi suất trong hạn: 9.5%/năm (tính theo dư nợ ban đầu "LS1"), 18.49%/ năm (tính theo dư nợ cho vay thực tế "LS2"); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tương ứng LS2; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Ngày 05/11/2018, ông Nguyễn Thanh M đã nhận đủ số tiền vay là 70.000.000 đồng. Kể từ ngày giải ngân đến ngày 23/8/2019 khách hàng đã thanh toán được số tiền gốc là 19.448.330 đồng, số tiền lãi là 5.606.137 đồng, dư nợ gốc đến ngày 23/8/2019 là 50.551.670 đồng.

Từ ngày 24/8/2019 đến nay ông Nguyễn Thanh M không trả được số tiền nào nữa. Quá trình thực hiện hợp đồng, do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của ông Nguyễn Thanh M đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/11/2021. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Nguyễn Thanh M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Nguyễn Thanh M vẫn vi phạm các cam kết nghĩa vụ trả nợ.

Nay, nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh M phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 16/3/2023) là 93.376.692 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.551.670 đồng và nợ lãi là 42.825.022 đồng (nợ lãi trong hạn: 14.962.509 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.052.523 đồng, lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn: 5.180.120 đồng và lãi suất phạt chậm trả lãi: 3.629.870 đồng). Yêu cầu ông Nguyễn Thanh M phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trả góp số NNN.CN.408.031118 kể từ ngày 17/03/2023 đến ngày ông Nguyễn Thanh M trả dứt nợ, theo thứ tự sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh M đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Nguyễn Thanh M vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông Tài.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A tổng số tiền vốn và lãi tính đến xét xử (ngày 16/3/2023) là 93.376.692 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.551.670 đồng và nợ lãi là 42.825.022 đồng (nợ lãi trong hạn: 14.962.509 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.052.523 đồng, lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn: 5.180.120 đồng và lãi suất phạt chậm trả lãi: 3.629.870 đồng). Buộc ông Nguyễn Thanh M tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng kể từ ngày 17/3/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh M phải trả nợ khoản vay tín chấp để mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình dựa trên Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số NNN.CN.408.031118 ngày 05/11/2018. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số NNN.CN.408.031118 ngày 05/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Thanh M là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung (Điều 117 Bộ luật dân sự) cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Xét yêu cầu bị đơn trả khoản tiền nợ gốc:

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số NNN.CN.408.031118 ngày 05/11/2018 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 06/11/2018 đến ngày 05/11/2021).

Kể từ ngày giải ngân đến ngày 23/8/2019 khách hàng đã thanh toán được số tiền gốc là 19.448.330 đồng, số tiền lãi là 5.606.137 đồng, dư nợ gốc đến ngày 23/8/2019 là 50.551.670 đồng. Từ ngày 24/8/2019 đến nay ông Nguyễn Thanh M không trả được số tiền nào nữa. Quá trình thực hiện hợp đồng, do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của ông Nguyễn Thanh M đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 06/11/2021 thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó, theo quy định tại Khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463 Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[2.2.2] Về khoản nợ lãi:

Tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số NNN.CN.408.031118 ngày 05/11/2018 các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn: 9.5%/năm (tính theo dư nợ ban đầu "LS1"), 18.49%/ năm (tính theo dư nợ cho vay thực tế "LS2"); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tương ứng LS2; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/3/2023) thì tổng số tiền nợ lãi là 42.825.022 đồng (nợ lãi trong hạn: 14.962.509 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.052.523 đồng, lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn: 5.180.120 đồng và lãi suất phạt chậm trả lãi: 3.629.870 đồng).

Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả, lãi suất phạt chậm trả lãi trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi đến ngày 16/3/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 42.825.022 đồng (nợ lãi trong hạn:

14.962.509 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.052.523 đồng, lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn: 5.180.120 đồng và lãi suất phạt chậm trả lãi: 3.629.870 đồng) là có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh M phải thanh toán tổng số tiền vốn và lãi tính đến xét xử (ngày 16/3/2023) là 93.376.692 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.551.670 đồng và nợ lãi là 42.825.022 đồng (nợ lãi trong hạn: 14.962.509 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.052.523 đồng, lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn: 5.180.120 đồng và lãi suất phạt chậm trả lãi: 3.629.870 đồng).

[2.2.3] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/3/2023) cho đến khi ông Nguyễn Thanh M trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh M phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A tổng số tiền vốn và lãi tính đến xét xử (ngày 16/3/2023) là 93.376.692 đồng *(chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm chín mươi hai đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 50.551.670 đồng và nợ lãi là 42.825.022 đồng (nợ lãi trong hạn: 14.962.509 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.052.523 đồng, lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn: 5.180.120 đồng và lãi suất phạt chậm trả lãi: 3.629.870 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2023), ông Nguyễn Thanh M còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số NNN.CN.408.031118 ngày 05/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Đối với số tiền lãi 42.825.022 đồng, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh M phải nộp 4.668.835 đồng *(bốn triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.860.412 đồng *(một triệu, tám trăm sáu mươi ngàn, bốn trăm mười hai đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0038904 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Cẩm Xuyên